

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 05 - 2024

“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Sang

Ông Nguyễn Minh Cung

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị V trình bày, chị và anh K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên chị V yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị V xác định có 03 con chung tên Lê Thị Trúc X, sinh ngày 28/11/2008; Lê Thị Trúc H, sinh ngày 20/12/2010 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 07/3/2015 (hiện các con đang ở với chị V). Khi ly hôn chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con. Chị V không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V xác định không có.

Đối với anh Lê Văn K, Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh K từ khi thụ lý vụ án nhưng anh K khước từ không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cho thấy anh K biết được việc yêu cầu ly hôn của chị V, nhưng anh K không hợp tác, không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị V.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc V về việc xin ly hôn với anh Lê Văn K thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh K là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, anh K là bị đơn đã khước từ không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không hợp tác và vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị V trình bày, chị và anh K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên chị V yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng anh K khước từ nhận văn bản tố tụng, không hợp tác không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị V, cho thấy anh K chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của chị V khi phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên thì đối chiếu với yêu cầu của chị V là phù hợp nên được chấp nhận về việc chị V xin ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Chị V xác định có 03 con chung tên Lê Thị Trúc X, sinh ngày 28/11/2008; Lê Thị Trúc H, sinh ngày 20/12/2010 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 07/3/2015 (hiện các con đang ở với chị V). Khi ly hôn chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị V không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các con đang sống chung với chị V có cuộc sống ổn định, ý kiến nguyện vọng của các cháu Trúc X, Trúc H và Chúc L mong muốn sống cùng với chị V khi cha mẹ ly hôn. Do đó yêu

cầu được nuôi dưỡng con chung của chị V là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tiếp tục giao các con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị V là người trực tiếp nuôi con chung không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị V xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị V xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị V nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc V về việc xin ly hôn với anh Lê Văn K.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Thị Trúc X, sinh ngày 28/11/2008; Lê Thị Trúc H, sinh ngày 20/12/2010 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 07/3/2015 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng (hiện các con đang ở với chị V). Về cấp dưỡng nuôi con chị V không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị V xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị V xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị V nộp 300.000đ. Vào ngày 25 tháng 3 năm 2024, chị V đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0016075 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- UBND xã H, h. Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyễn